

HIỆN TRẠNG ĐÔ THỊ HÓA Ở TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Ngô Thị Hải Yến^{1*}, Đặng Vũ Khắc¹ và Nguyễn Thị Thủy²

¹*Khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

²*Trường THPT Nguyễn Huệ, Thành phố Vũng Tàu*

Tóm tắt. Giai đoạn 2010 - 2020, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đạt nhiều thành tựu về đô thị hóa. Quy mô dân số đô thị liên tục tăng, tỉ lệ dân số đô thị cao hơn mức trung bình cả nước, kinh tế ở khu vực đô thị tăng trưởng ổn định, cơ cấu kinh tế đô thị chuyển dịch theo hướng tích cực, lao động phi nông nghiệp liên tục tăng, cơ sở hạ tầng đô thị được hiện đại hóa đồng bộ. Bài báo tập trung nghiên cứu hiện trạng đô thị hóa ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu qua các chỉ tiêu về dân số, kinh tế, sử dụng đất, cơ sở hạ tầng đô thị và mạng lưới đô thị. Từ nghiên cứu hiện trạng đô thị hóa, tác giả đề xuất một số giải pháp để phát triển đô thị ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong tương lai.

Từ khóa: đô thị hóa, đô thị, Bà Rịa - Vũng Tàu.

1. Mở đầu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc vùng Đông Nam Bộ [1] - nơi có trình độ công nghiệp hóa, đô thị hóa mạnh nhất cả nước trong giai đoạn 2010 - 2020. Với nhiều thuận lợi về vị trí địa lý, về tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên khoáng sản nên tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã đạt nhiều thành tựu về công nghiệp hóa và đô thị hóa trong những năm qua.

Nghiên cứu về đô thị hóa ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được đề cập dưới góc độ nghiên cứu về hệ thống thoát nước đô thị [2], về vấn đề xử lý bùn thải trong đô thị [3] chứ chưa có nghiên cứu nào về đô thị hóa một cách toàn diện.

Từ khoảng trống trong nghiên cứu, bài báo sẽ phân tích và làm rõ hiện trạng đô thị hóa ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thông qua các tiêu chí về dân cư - lao động, kinh tế, cơ sở hạ tầng, sử dụng đất đô thị, mạng lưới đô thị để từ đó đề xuất những giải pháp thúc đẩy phát triển mạng lưới đô thị ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Dữ liệu

Dữ liệu trong bài báo được xử lý, phân tích và tổng hợp từ những nguồn tài liệu thứ cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu, thành phố Bà Rịa, thị xã Phú Mỹ và các Sở, Ban, Ngành cùng với một số thông tin được thu thập qua quá trình tác giả đi thực tế, khảo sát ở địa bàn nghiên cứu.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Để có các kết quả nghiên cứu trong bài báo, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc thù của địa lí học. Các phương pháp đó là:

Ngày nhận bài: 29/12/2022. Ngày sửa bài: 20/1/2023. Ngày nhận đăng: 3/2/2023.

Tác giả liên hệ: Ngô Thị Hải Yến. Địa chỉ e-mail: ngothiهايen1976@gmail.com

- *Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu*: từ những số liệu, tài liệu thu thập được liên quan đến vấn đề nghiên cứu, tác giả lựa chọn những tài liệu, số liệu cần thiết cho vấn đề nghiên cứu. và bổ sung thêm những dữ liệu còn thiếu.

- *Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp*: trên cơ sở các dữ liệu đã được xử lý, tác giả phân tích, so sánh các mối quan hệ về không gian (giữa các đô thị trong nội tỉnh, giữa tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các tỉnh/thành khác trong vùng Đông Nam Bộ và cả nước) và về thời gian phát triển mạng lưới đô thị. Từ đó tác giả đánh giá toàn bộ quá trình phát triển và phân bố mạng lưới đô thị ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Phương pháp bản đồ, biểu đồ*: tác giả đã xây dựng một số biểu đồ và bản đồ để minh họa những kết quả nghiên cứu về dân cư đô thị, sự phân bố mạng lưới đô thị của địa bàn nghiên cứu.

- *Phương pháp thực địa*: tác giả tiến hành khảo sát thực địa tại một số đô thị ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như TP. Vũng Tàu, TP. Bà Rịa, TX. Phú Mỹ, thị trấn Ngã Giao để làm rõ thêm một số tiêu chí đánh giá đô thị hóa và mạng lưới đô thị.

- *Phương pháp chuyên gia*: tác giả tham khảo ý kiến chuyên gia ở địa phương để đưa ra những giải pháp về đô thị hóa ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong tương lai.

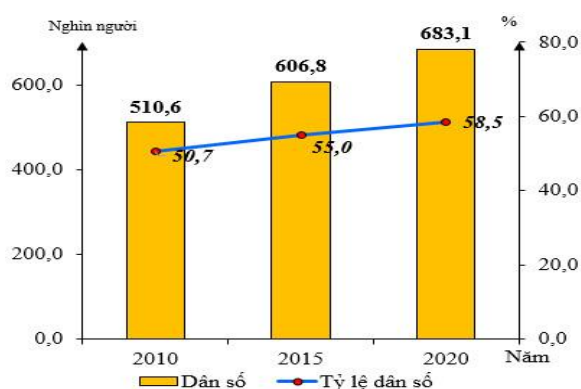
2.2. Kết quả nghiên cứu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được khai phá từ thế kỉ thứ XVII. Qua nhiều lần chia tách, sáp nhập với nhiều tên gọi khác nhau, đến năm 1991, Bà Rịa - Vũng Tàu chính thức trở thành một tỉnh của Việt Nam và được duy trì đến ngày nay [1]. Hiện nay, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 2 thành phố trực thuộc tỉnh (Vũng Tàu là đô thị loại I, Bà Rịa là thành phố tỉnh lỵ và là đô thị loại II), 01 thị xã (Phú Mỹ) và 6 thị trấn [4].

2.2.1. Quy mô, tỉ lệ dân đô thị và gia tăng dân số đô thị

- *Quy mô dân số đô thị*

Năm 2020, dân số trung bình của tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu là 1.167.938 người, trong đó dân thành thị là 683.129 người, chiếm 58,4%. Trong 10 năm qua, dân số đô thị của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tăng liên tục, trung bình mỗi năm tăng thêm khoảng 17 nghìn người [4]. Về quy mô dân số đô thị, Bà Rịa - Vũng Tàu đứng thứ 4/6 tỉnh, thành của vùng Đông Nam Bộ (trên tỉnh Tây Ninh và tỉnh Bình Phước). Sự phát triển của lĩnh vực công nghiệp - xây dựng (nhất là các khu công nghiệp), dịch vụ (các điểm du lịch) đã tạo nên sự hấp dẫn dân cư và lao động cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

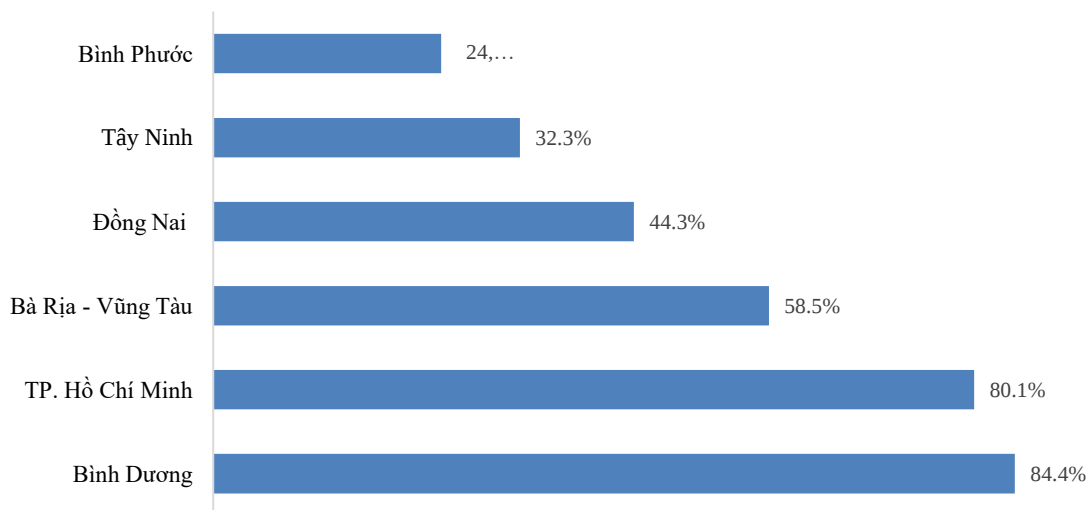


Hình 1. Quy mô dân số đô thị và tỉ lệ dân số đô thị của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giai đoạn 2010 – 2020 [4]

- *Tỉ lệ dân số đô thị*

Tỉ lệ dân số đô thị của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tăng liên tục, từ 50,7% (năm 2010) lên 55,0% (năm 2015) và 58,4% (năm 2020). Tỉ lệ dân đô thị ở đây cao hơn so với tỉ lệ dân thành

thị của cả nước (36,8%) nhưng thấp hơn so với vùng Đông Nam Bộ (66,9%) và đứng thứ 3/6 toàn vùng (sau TP.Hồ Chí Minh và Bình Dương) [4],[6].



Hình 2. Tỷ lệ dân thành thị của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các tỉnh, thành phố trong vùng Đông Nam Bộ, năm 2020 [4], [5]

- Gia tăng dân số đô thị

Tốc độ gia tăng dân số đô thị ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong giai đoạn 2010 - 2020 khá cao, cao hơn nhiều so với tốc độ gia tăng dân số, tuy nhiên tốc độ tăng khác nhau trong từng thời kỳ:

- Thời kỳ 2010 - 2015: tốc độ gia tăng dân số đô thị trung bình năm đạt 3,4%/năm, đây là giai đoạn đô thị hóa ở tỉnh cao nhất do sự phát triển công nghiệp - dịch vụ.

- Thời kỳ 2015 - 2020: tốc độ gia tăng dân số đô thị giảm xuống còn 2,4%/năm là do chuyển đổi không gian từ nông thôn sang thành thị đã giữ mức ổn định, ít biến động.

2.2.2. Mật độ dân số đô thị

Bảng 1. Mật độ dân số đô thị phân theo đơn vị hành chính ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, năm 2020

TT	Tên đơn vị hành chính	Dân số đô thị (người)	Diện tích đất đô thị (km ²)	Mật độ dân số đô thị (người/km ²)
	Toàn tỉnh	683.129	411,44	1660
1	TP. Vũng Tàu	345.913	89,69	3477
2	TP. Bà Rịa	76.396	52,70	1.450
3	TX. Phú Mỹ	123.954	187,23	662
4	Huyện Châu Đức	17.662	13,77	1.283
5	Huyện Long Điền	59.799	26,75	2.235
6	Huyện Đất Đỏ	43.216	22,3	1.938
7	Huyện Xuyên Mộc	16.189	9,2	1.760
8	Huyện Côn Đảo	0	0	0

Nguồn: Tính toán từ [4]

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có mật độ dân số đô thị tương đối cao, trung bình là 1.660 người/km². Các địa phương có mật độ dân số đô thị cao là TP. Vũng Tàu, TP. Bà Rịa, thị trấn Long Hải (Long Điền), thị trấn Phước Hải (huyện Đất Đỏ), thị trấn Phước Bửu (huyện Xuyên Mộc).

TP. Vũng Tàu có dân số và mật độ dân số đô thị cao nhất toàn tỉnh vì đây là trung tâm công nghiệp (nổi bật nhất là hoạt động khai thác dầu mỏ phía Nam), du lịch biển và đã từng là trung tâm hành chính của tỉnh. Vì vậy, Vũng Tàu đã và đang thu hút lượng lớn người nhập cư từ các địa phương khác đến.

Long Điền và Đất Đỏ là hai huyện nhỏ nhưng mỗi huyện có 2 thị trấn là khu vực có dân cư tập trung cao (cao hơn TP. Bà Rịa và TX. Phú Mỹ). Nhờ có lợi thế nằm trên các trục giao thông quan trọng (QL55, đường ven biển Vũng Tàu - Bình Thuận) với hoạt động du lịch và các dịch vụ nghề cá phát triển nên đô thị hóa khá nhanh.

TX. Phú Mỹ là đô thị mới được nâng cấp, có 5 phường và 5 xã nên mật độ đô thị còn thấp.

2.2.3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

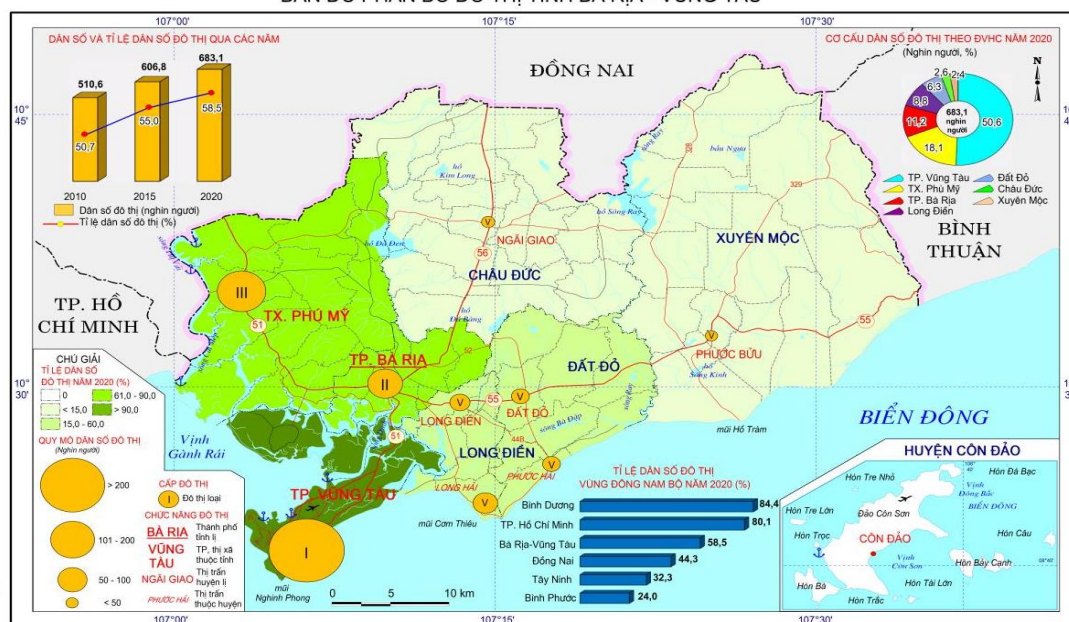
Cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo khu vực kinh tế ở tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu trong giai đoạn 2010 - 2020 đã chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp liên tục giảm qua các năm, từ 40,4% (năm 2010) giảm xuống còn 23,3% (năm 2020), lao động phi nông nghiệp tăng lên tương ứng từ 50,6% lên 76,7%, cao hơn mức trung bình của cả nước [4].

Tại các đô thị lớn như TP. Vũng Tàu và TP. Bà Rịa, hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp, dịch vụ (du lịch) nên lao động phi nông nghiệp ở các đô thị chiếm tỷ lệ cao. Năm 2020, TP. Vũng Tàu có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là 94,6%, cao nhất toàn tỉnh.

2.2.4. Cơ sở hạ tầng đô thị.

Cơ sở hạ tầng đô thị gồm hệ thống giao thông, hệ thống thông tin, hệ thống điện, cấp và thoát nước. Mật độ đường đô thị của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khá cao, chất lượng đường tốt, đồng bộ. Bên cạnh đó việc cấp điện cho hệ thống đèn chiếu sáng, xây dựng các công viên - cây xanh, hệ thống cấp - thoát nước ở các đô thị khá hiện đại. Năm 2020, ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cả 9 đô thị đều có hệ thống cấp nước công nghiệp với tổng số công suất khoảng 120.000 m³

BẢN ĐỒ PHÂN BỐ ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RIỆA - VŨNG TÀU



ngày/đêm, đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho các khu vực đô thị. Bên cạnh đó, mạng lưới điện hiện đại, tất cả các đô thị trong tỉnh đều được cung cấp điện, đảm bảo cho sinh hoạt và sản xuất. Hiện nay, TP. Vũng Tàu và TP. Bà Rịa là các đầu mối giao thông quan trọng.

Các đô thị đều có cơ sở hạ tầng thông tin thuận lợi cho sinh hoạt và sản xuất. Năm 2020, toàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 1.658 nghìn thuê bao điện thoại (trong đó có 1.610 nghìn thuê bao di động), 1.154,3 nghìn thuê bao Internet, trong đó 74,2% số hộ gia đình ở thành thị có kết nối mạng Internet [4].

Các hoạt động dịch vụ khác như bưu điện, ngân hàng, bảo hiểm ở các đô thị cũng khá phát triển, tạo nên sức hấp dẫn mạnh với các nhà đầu tư.

2.2.5. Sử dụng đất đô thị

Năm 2020, quỹ đất đô thị và đất chuyên dùng là 41.144 nghìn ha, chiếm 20,8% đất tự nhiên của toàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bảng 2. Sử dụng đất đô thị ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, năm 2020

TT	Đơn vị hành chính	Tổng diện tích (ha)	Diện tích đất đô thị (ha)	Tỉ lệ đất đô thị (%)
1	TP. Vũng Tàu	15.090	8.969	59,4
2	TP. Bà Rịa	9.104	5.270	57,9
3	TX. Phú Mỹ	33.302	1.873	5,6
4	Huyện Châu Đức	42.460	1.377	3,2
5	Huyện Long Điền	7.767	2.675	34,4
6	Huyện Đất Đỏ	18.974	2.230	11,8
7	Huyện Xuyên Mộc	63.980	920	1,4
8	Huyện Côn Đảo	7.579	0	0
Tổng cộng		198.256	41.144	20,8

Nguồn: Xử lý từ nguồn [4]

TP. Vũng Tàu và TP. Bà Rịa có tỉ lệ đất đô thị cao nhất (59,4% và 57,9%), phù hợp với tổ chức không gian đô thị và hoạt động kinh tế đô thị. TP. Vũng Tàu gồm 16 phường và chỉ có 1 xã đảo Long Sơn. TP. Bà Rịa có 8 phường và 3 xã. Huyện Long Điền có tỉ lệ đất đô thị khá cao (chiếm 34,4%) do có 2 thị trấn là Long Điền và Long Hải. TX. Phú Mỹ mới được thành lập, có 5 phường và 5 xã nên tỉ lệ đất đô thị khá thấp. Huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc có tỉ lệ đất đô thị thấp dưới mức trung bình toàn tỉnh do chủ yếu là các xã nông thôn. Riêng huyện Côn Đảo có 100% diện tích là đất nông nghiệp.

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang tiến hành quy hoạch, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, góp phần tăng diện tích đất cho phát triển đô thị. Tuy nhiên, việc giải phóng mặt bằng ở những khu vực được quy hoạch phát triển đô thị và thu hồi đất còn gặp nhiều bất cập. Tại các khu vực này, một bộ phận nông dân chưa thích ứng ngay được với việc chuyển đổi nghề sang lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, khả năng quản lý kinh tế, tổ chức cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn khi sử dụng hết nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

2.2.6. Kinh tế đô thị

TP. Vũng Tàu và TP. Bà Rịa là 2 đô thị lớn; đồng thời là 2 trung tâm kinh tế lớn nhất của tỉnh. Sự phát triển kinh tế của 2 đô thị này là động lực phát triển kinh tế cho các khu vực lân cận; đồng thời thúc đẩy quá trình đô thị hóa toàn tỉnh.

- TP. Vũng Tàu

Vũng Tàu là trung tâm công nghiệp - du lịch lớn của vùng Đông Nam Bộ và cả nước. Năm 2020, TP. Vũng Tàu có quy mô GRDP đạt 219,7 nghìn tỉ đồng (tính cả dầu khí), chiếm khoảng 70% GRDP toàn tỉnh. Nếu không tính dầu khí, GRDP đạt 60,1 nghìn tỉ đồng, cao hơn nhiều so với các địa phương khác trong tỉnh. GRDP/người của thành phố luôn ở mức cao, đạt 605 triệu đồng năm 2020 (tính cả dầu khí), gấp 2,2 lần mức trung bình toàn tỉnh [7].

Cơ cấu GRDP (theo giá hiện hành) của TP. Vũng Tàu giai đoạn 2010 - 2020 có sự chuyển biến theo hướng tích cực, công nghiệp - xây dựng luôn chiếm ưu thế. Năm 2020, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm tỉ trọng cao nhất 88,2%, khu vực dịch vụ chiếm 11,3%, nông - lâm - thủy sản chiếm tỉ trọng thấp nhất 0,5% [7].

Trong giai đoạn 2010 - 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế của TP. Vũng Tàu không ổn định do giá xăng dầu giảm (2013 - 2015) và đại dịch covid 19 diễn ra trên toàn thế giới. Tuy nhiên, tốc độ tăng GRDP của Vũng Tàu trong giai đoạn 2015 - 2020 đạt 9%, cao hơn tốc độ tăng trung bình của tỉnh.

- TP. Bà Rịa.

Năm 2020, GRDP theo giá hiện hành của TP. Bà Rịa đạt 12,5 nghìn tỉ đồng, đứng thứ 3/8 đơn vị hành chính của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (sau TP. Vũng Tàu và TX. Phú Mỹ), chiếm 4% GRDP toàn tỉnh. GRDP/người đạt 110,1 triệu đồng, thấp hơn mức trung bình của tỉnh nhưng cao hơn nhiều so với các địa phương khác [7].

Về cơ cấu GRDP, khu vực dịch vụ chiếm ưu thế với 50,4%, công nghiệp - xây dựng có vai trò quan trọng và đóng góp 47,1%, trong khi đó khu vực nông - lâm - ngư chiếm tỉ lệ rất nhỏ (2,54%) và có xu hướng giảm. Tốc độ tăng trưởng GRDP của TP. Bà Rịa duy trì ở mức cao, cao hơn trung bình toàn tỉnh.

Sự phát triển kinh tế mạnh mẽ, vai trò ảnh hưởng ngày càng lớn của TP. Vũng Tàu và TP. Bà Rịa đã tạo nên sự liên kết chặt chẽ, sức lan tỏa với các khu vực lân cận. Sự phát triển kinh tế của hai đô thị này góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế ở vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phát triển.

2.2.7. Sự phân bố mạng lưới đô thị

Tuy số lượng đô thị không thay đổi nhưng đô thị đã được nâng cấp (thêm 1 thành phố và 1 thị xã) trong giai đoạn 2010 - 2020. Cơ sở hạ tầng đô thị ngày càng hoàn thiện, kinh tế đô thị ngày càng phát triển. Mật độ đô thị hiện nay đạt 4,5 đô thị/1.000 km², cao hơn 2 lần so với mức trung bình của cả nước vùng Đông Nam Bộ [4] và [6].

**Bảng 3. Số lượng đô thị và mật độ đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
giai đoạn 2010 - 2020**

Năm	Số đô thị	Thành phố	Thị xã	Thị trấn	Mật độ đô thị (đô thị/1.000 km ²)
2010	9	1	1	7	4,5
2015	9	2	0	7	4,5
2020	9	2	1	6	4,5

Nguồn: [4]

Năm 2020, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 9 đô thị các loại gồm: 1 đô thị loại I là TP. Vũng Tàu, 1 đô thị loại II là TP. Bà Rịa, 1 đô thị loại III là TX. Phú Mỹ, còn lại có 6 đô thị loại V là các thị trấn: Long Điền, Long Hải, Ngã Giao, Phước Bửu, Đất Đỏ và Phước Hải. Sự phát triển mạng lưới đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu gắn liền với sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá và các

đô thị là nơi thoả mãn các nhu cầu giao lưu hàng hoá, là nơi đặt bộ máy quản lí hành chính của chính quyền các cấp.

Bảng 4. Diện tích, dân số, tỉ lệ dân thành thị của đơn vị hành chính ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, năm 2020

Đơn vị hành chính	Diện tích (km ²)	Dân số (người)		Tỉ lệ dân thành thị (%)
		Tổng	Thành thị	
Toàn tỉnh	1.982,6	1.167.938	683.129	58,5
TP. Vũng Tàu	150,9	362.061	345.913	95,5
TP. Bà Rịa	91,0	113.072	76.396	67,6
TX. Phú Mỹ	333,0	182.141	123.954	68,1
Huyện Châu Đức	424,6	147.426	17.662	12,0
Huyện Long Điền	77,7	137.759	59.799	43,4
Huyện Đất Đỏ	189,7	74.517	43.216	58,0
Huyện Xuyên Mộc	639,8	141.842	16.189	11,4
Huyện Côn Đảo	75,8	9.120	0	0,0

Nguồn: [4]

Quy mô dân số, tỉ lệ dân thành thị và trình độ đô thị hóa có sự khác biệt giữa các đơn vị hành chính. TP. Vũng Tàu, TP. Bà Rịa, TX. Phú Mỹ có quy mô dân số đô thị lớn, tỉ lệ dân thành thị và trình độ đô thị hóa cao, cao hơn mức trung bình của toàn tỉnh. Đây là các trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục quan trọng của tỉnh với hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp, dịch vụ - du lịch.

Đất Đỏ và Long Điền là 2 huyện có diện tích nhỏ nhưng có 2 thị trấn nên có tỉ lệ dân đô thị khá cao (58% và 43,4%). Hoạt động kinh tế chính ở đây là du lịch, chế biến thủy sản và dịch vụ nghề cá.

Huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc có tỉ lệ đô thị thấp do chỉ có một thị trấn, hoạt động nông nghiệp vẫn chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế.

2.2.8. Những đô thị có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và đô thị hóa ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- TP. Vũng Tàu - đô thị loại I

TP. Vũng Tàu là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và vùng Đông Nam Bộ. TP. Vũng Tàu được công nhận là đô thị loại II năm 1999 và được nâng bậc lên đô thị loại I năm 2013. Diện tích tự nhiên của thành phố là 150,90 km² (chiếm 7,6% tổng diện tích toàn tỉnh) và dân số là 362.061 người (chiếm 31% dân số toàn tỉnh), tỉ lệ dân thành thị 95,5% (năm 2020) với 16 phường và 1 xã đảo Long Sơn.

TP. Vũng Tàu nằm ở phía Nam của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cách TP. Hồ Chí Minh 120 km về phía Đông Nam và cách TP. Biên Hoà 100 km về phía Nam. Thành phố có ba mặt giáp biển với tổng chiều dài bờ biển là 48,1 km. Vũng Tàu là trung tâm dịch vụ khai thác dầu khí và trung tâm du lịch lớn của Nam Bộ cũng như cả nước. Vị trí địa lí thuận lợi, có 3 mặt giáp biển, có tài nguyên khoáng sản có giá trị (dầu khí), cơ sở hạ tầng giao thông phát triển nên TP. Vũng Tàu thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển, trong đó nổi bật là ngành công nghiệp khai thác và dịch vụ dầu khí, du lịch biển đảo, khai thác và nuôi trồng thủy sản và các hoạt động thương mại - dịch vụ kèm theo.

Vũng Tàu là trung tâm công nghiệp lớn của vùng Đông Nam Bộ và cả nước. Công nghiệp có vị trí hàng đầu trong nền kinh tế, chiếm 65,0% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh (kể cả dầu khí), đạt 388,6 nghìn tỉ đồng năm 2020. Tốc độ tăng trưởng khá nhanh, trung bình 11,55% trong giai đoạn 2015 - 2020. Các ngành công nghiệp chính là khai thác và dịch vụ dầu khí, chế biến hải sản, hóa chất, sản xuất vật liệu xây dựng.

Thương mại là một trong những ngành quan trọng nhất trong khu vực dịch vụ của TP. Vũng Tàu. Giai đoạn 2010 - 2020, ngành thương mại không ngừng phát triển đáp ứng các yêu cầu sản xuất và tiêu dùng của dân cư đô thị. Từ năm 2015 đến năm 2020, thành phố có thêm 3 siêu thị quy mô lớn, 4 trung tâm thương mại, 83 cửa hàng tiện ích, góp phần hoàn thiện mạng lưới bán lẻ phục vụ nhu cầu của nhân dân.

Nhờ khai thác các lợi thế từ biển nên các hoạt động: du lịch biển, khai thác thủy sản ở TP. Vũng Tàu khá phát triển. Năm 2020, Vũng Tàu đứng đầu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cả về sản lượng thủy sản là 174.755 tấn (chiếm 47,3% toàn tỉnh) và diện tích nuôi trồng thủy sản với 1.920,1 ha (chiếm 28,4% toàn tỉnh) [4].

Sự phát triển kinh tế mạnh mẽ và vai trò ảnh hưởng ngày càng lớn của thành phố đã tạo nên sự liên kết chặt chẽ giữa TP. Vũng Tàu với các đô thị và khu vực lân cận. Xung quanh TP. Vũng Tàu đã hình thành được một số đô thị vệ tinh như: Long Hải, Long Điền, Phước Hải, Châu Đức.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, TP. Vũng Tàu đang gặp phải một số hạn chế khi thực hiện đô thị hóa, đó là: cơ sở hạ tầng đô thị ở một số khu vực còn chưa đồng bộ, hệ thống thoát nước còn chưa tốt, dẫn đến tình trạng ngập lụt mỗi khi có mưa to. Vấn đề xử lý rác thải đô thị chưa thật hợp lý gây nên hiện tượng mất vệ sinh môi trường ở một số khu vực trong thành phố.

- TP. Bà Rịa - đô thị loại II

TP. Bà Rịa là đô thị loại II, là tỉnh lỵ và trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hạt nhân thúc đẩy quá trình đô thị hóa của toàn tỉnh. Diện tích đất tự nhiên của thành phố là 91,04 km², dân số 113.072 người (năm 2020). Trong đó diện tích của khu vực nội thành là 52,7 km² (gồm 08 phường: Phước Hưng, Phước Trung, Phước Hiệp, Phước Nguyên, Long Hương, Long Toàn, Kim Dinh, Long Tâm) và số dân là 76.396 người, chiếm 67,6%. Khu vực ngoại thành gồm 03 xã (Hòa Long, Long Phước, Tân Hưng) với số dân là 36.676 người, chiếm 32,4% dân số toàn TP. Bà Rịa (năm 2020) [4].

TP. Bà Rịa có vai trò quan trọng trong việc kết nối về không gian kinh tế giữa các địa phương trong tỉnh và thực hiện vai trò cung ứng các sản phẩm dịch vụ, vật tư cho các khu công nghiệp, đồng thời tiêu thụ nông sản, cung ứng hàng hóa tiêu dùng cho các huyện lân cận. TP. Bà Rịa có những điều kiện khá thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần vào quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Là đầu mối giao thông đường bộ quan trọng của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, TP. Bà Rịa có vai trò kết nối các đô thị trong hệ thống đô thị hành lang QL51 của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam như TP. Biên Hòa - Nhơn Trạch - TX. Phú Mỹ với TP. Vũng Tàu. Bà Rịa còn là tâm điểm của 3 tuyến Quốc lộ quan trọng là QL51, QL56, QL55 nên thuận lợi để kết nối với vùng trung du Đông Nam Bộ cũng như tiếp cận với hệ thống cảng biển đang phát triển ở TP. Vũng Tàu và TX. Phú Mỹ.

Năm 2020, giá trị GRDP của TP. Bà Rịa là 12,5 nghìn tỉ đồng, cơ cấu kinh tế của thành phố có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa; khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - thương mại chiếm ưu thế. Các ngành công nghiệp chủ yếu là sản xuất điện (nhà máy nhiệt điện Bà Rịa), khai thác đá, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến. Ngành dịch vụ của TP. Bà Rịa phát triển mạnh các hoạt động thương mại, giao thông vận tải, thông tin liên lạc. Thành phố còn tập trung phát triển trồng lúa, các loại rau, cao su, cây ăn quả, chăn nuôi lợn và gia cầm cung

cấp lương thực, thực phẩm cho người dân địa phương và các khu công nghiệp của Vũng Tàu. Năm 2020, giá trị sản xuất nông nghiệp của toàn thành phố đạt hơn 400 tỉ đồng.

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong 10 năm qua, TP. Bà Rịa vẫn còn một số hạn chế trong quá trình đô thị hóa. Tốc độ đô thị hóa nhanh nhưng chưa đồng đều, tính hấp dẫn của đô thị còn chưa cao nên gia tăng dân số cơ học còn chậm, bị cạnh tranh mạnh mẽ của các đô thị trong vùng và tỉnh.

- Thị xã Phú Mỹ - đô thị loại III

TX. Phú Mỹ có vị trí địa lý thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, để thực hiện đô thị hóa trong hiện tại và tương lai. TX. Phú Mỹ có diện tích tự nhiên là 333,02 km². với 10 đơn vị hành chính là gồm 05 phường (Hắc Dịch, Mỹ Xuân, Phú Mỹ, Phước Hòa, Tân Phước) và 05 xã (Châu Pha, Sông Xoài, Tân Hải, Tân Hòa, Tóc Tiên). Năm 2020, dân số của TX Phú Mỹ là 182,1 nghìn người.

Kết cấu hạ tầng ở đây được đầu tư, hiện đại hóa và đáp ứng yêu cầu nâng cao đời sống vật chất, tinh thần người dân. Các khu chức năng từ Tây sang Đông là cảng biển - công nghiệp đã được hình thành. TX. Phú Mỹ là đô thị trẻ, là hạt nhân kinh tế khu vực phía Tây Bắc của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp của thị xã đạt 177,5 nghìn tỉ đồng, chiếm 29,7% so với toàn tỉnh, đứng thứ hai sau TP. Vũng Tàu. TX. Phú Mỹ tập trung nhiều khu công nghiệp với các khu công nghiệp nặng và năng lượng lớn. Một số khu công nghiệp có vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp của Phú Mỹ nói riêng và của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nói chung là: KCN Phú Mỹ 1, KCN Cái Mép, KCN Phú Mỹ 3, KCN Mỹ Xuân A.

Hiện nay, Phú Mỹ có vai trò liên kết với các đô thị ven biển và dọc QL51 như Bà Rịa, Long Sơn, Vũng Tàu và xa hơn với Long Điền, Đất Đỏ tạo thành hệ thống đô thị công nghiệp - dịch vụ - du lịch của Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2.9. Giải pháp phát triển đô thị ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Để thúc đẩy đô thị hóa và phát triển mạng lưới đô thị ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, cần thực hiện một số giải pháp như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng ở các đô thị để khắc phục tình trạng ngập úng trong mùa mưa, xử lý rác thải kịp thời để tránh ô nhiễm môi trường đô thị.
- Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực đô thị theo tiêu chuẩn của đô thị văn minh, hiện đại; trong đó đặc biệt ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị mới thị xã Phú Mỹ.
- Đầu tư phát triển hệ thống cảng biển, tạo điều kiện phát triển dịch vụ vận tải cho nền kinh tế của tỉnh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, từ đó tạo động lực cho đô thị hóa.
- Xây dựng chương trình đầu tư phát triển du lịch khu vực ven biển và vùng phụ cận; hình thành vành đai phát triển du lịch biển Vũng Tàu - Long Hải - Phước Hải - Hồ Tràm để tiếp tục phát triển khu vực dịch vụ, hình thành các đô thị du lịch trong tương lai.

3. Kết luận

Bà Rịa - Vũng Tàu là tỉnh có nhiều thế mạnh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Quá trình đô thị hóa ở Bà Rịa - Vũng Tàu đã đạt được những thành tựu tích cực, mạng lưới đô thị ngày càng được mở rộng, tỉ lệ dân thành thị ngày càng cao, cơ sở hạ tầng đô thị và chất lượng cuộc sống người dân thành thị ngày càng được cải thiện. Năm 2020, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 9 đô thị, đó là: TP. Vũng Tàu, TP. Bà Rịa, TX. Phú Mỹ và 6 thị trấn. Với sự phát triển khá đồng bộ về cơ sở hạ tầng ở các đô thị, kinh tế - xã hội ở các đô thị có bước tăng trưởng khá nên các đô thị trong tỉnh không chỉ phát triển, nâng cao thứ bậc mà còn có sự liên kết với nhau về nhiều mặt.

Tuy nhiên, trong quá trình đô thị hóa ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang gặp phải một số vấn đề cần giải quyết như: sự phát triển công nghiệp - dịch vụ chưa tương xứng với quá trình đô thị

hóa, hệ thống đô thị chưa cân đối, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giải quyết việc làm cho người lao động, vấn đề bảo vệ môi trường còn nhiều bất cập. Để giải quyết được vấn đề trên đòi hỏi phải đưa ra những giải pháp cấp bách và định hướng phát triển cụ thể, lâu dài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Hữu Bách (chủ biên), Nguyễn Bá Lộc, Minh Hồng (2012), *Tài liệu dạy học địa lí địa phương tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*, Nhà xuất bản Giáo dục.
- [2] Nguyễn Sĩ Quế (2013), *Một số giải pháp quản lí hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*, Luận văn thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.
- [3] Trần Thị Thanh (2018), *Nghiên cứu thu gop và xử lí bùn thải đô thị thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật Môi trường, Trường Đại học Thủy Lợi.
- [4] Cục Thống kê tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (2021), *Niên giám thống kê năm 2020*, TP. Vũng Tàu.
- [5] Cục Thống kê các tỉnh vùng Đông Nam Bộ (2021), *Niên giám thống kê năm 2020 các tỉnh: Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh*.
- [6] Tổng cục Thống kê (2011, 2016, 2021), *Niên giám thống kê Việt Nam các năm 2010, 2015, 2020*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [7] UBND thành phố Vũng Tàu, UBND thành phố Bà Rịa (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2010-2020*.

ABSTRACT

Urbanization in Ba Ria - Vung Tau province in the period 2010 - 2020

Ngo Thi Hai Yen^{1*}, Dang Vu Khac¹ and Nguyen Thi Thuy²

¹*Faculty of Geography, Hanoi National University of Education*

²*Nguyen Hue High School, Vung Tau city*

From 2010 to 2020, Ba Ria - Vung Tau province has achieved many achievements in urbanization. The urban population size is continuously increasing, the urban population rate is higher than the national average, the urban economy grows stably, the urban economic structure shifts in a positive direction, the labor force non-agriculture continuously increased, and urban infrastructure was modernized synchronously. The article focuses on studying the status of urbanization in Ba Ria - Vung Tau province through the population, economy, land use, city infrastructure, and city network indicators. From the study of the current status of urbanization, the author proposes some solutions for urban development in Ba Ria - Vung Tau province.

Keywords: urbanization, urban, Ba Ria - Vung Tau province.